

HỎI ĐÁP CSTC
Tài chính tổng hợp
Đầu tư
Thuế
Hải quan
Kế toán và kiểm toán
Tài chính hành chính sự nghiệp
Ngân sách nhà nước
Quản lý công sản
Kho bạc
Quản lý nợ
Quản lý giá
Bảo hiểm
Chế độ kế toán
Chứng khoán
Tài chính doanh nghiệp
Chính sách thuế
Khác
Tổ chức, cán bộ

CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH
BTC VỚI CÔNG DÂN
BTC VỚI DOANH NGHIỆP
CHUYÊN MỤC KHÁC

CHI TIẾT CÂU HỎI

Hỏi:

• Kính gửi Bộ Tài Chính Câu hỏi của tôi liên quan đến việc xác định thu nhập miễn thuế từ tiền công, tiền lương làm thêm giờ cho giờ làm thêm thứ 201 trở đi. Hiện tại, công ty tôi đang làm việc xác định thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ của giờ làm thêm thứ 201 trở đi không được miễn thuế thu nhập cá nhân. Công ty trình bày áp dụng như vậy theo hướng dẫn của công văn số 4103/CT-TTHT ngày 10/6/2019 của Cục Thuế Đồng Nai. Theo công văn này căn cứ để xác định thu nhập miễn thuế dựa trên điều Điều 4 của Luật thuế thu nhập cá nhân, điều 4 của nghị định số 65/2013/NĐ-CP và điều 106 của Bộ luật lao động. Điều 4 của Luật thuế thu nhập cá nhân, điều 4 của nghị định số 65/2013/NĐ-CP các khoản được miễn thuế bao gồm: "...i) Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định của Bộ luật Lao động" Điều 106 của Bộ luật Lao động qui định như sau: "1. Làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường được quy định trong pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động. 2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Được sự đồng ý của người lao động; b) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, trường hợp áp dụng quy định làm việc theo tuần thi tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 30 giờ trong 01 tháng và tổng số không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ một số trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định thì được làm thêm giờ không quá 300 giờ trong 01 năm; c) Sau mỗi đợt làm thêm giờ nhiều ngày liên tục trong tháng, người sử dụng lao động phải bố trí để người lao động được nghỉ bù cho số thời gian đã không được nghỉ." Công văn lập luận rằng luật lao động quy định số giờ làm thêm không quá 200 giờ một năm nên phần thu nhập được trả cao hơn theo quy định tại điểm I điều 4 tại nghị định 65/2013/NĐ-CP của giờ làm thêm thứ 201 trở đi không được miễn thuế. Sau khi tìm hiểu kỹ mục i điều 4 của nghị định số 65/2013/NĐ-CP, tôi thấy lập luận trên là chưa thỏa đáng. Mục I, điều 4 này chỉ quy định về phần được trả cao hơn theo quy định trong Điều 97 của Bộ luật lao động. Mục này không quy định về số giờ lao động nên viễn dã mức không chế 200 giờ một năm của Điều 106 là không hợp lý. Hơn nữa, Điều 106 chỉ quy định mức không chế này với người sử dụng lao động mà không quy định người lao động không được làm thêm quá 200 giờ một năm. Giả sử một người lao động làm việc cho hai công ty khác nhau, trong một năm người lao động có làm thêm giờ mỗi công ty ít hơn 200 giờ nhưng tổng cộng lại nhiều hơn 200 giờ một năm. Vậy mức không chế này có được áp dụng không? Vì vậy, tôi xin Bộ Tài Chính hướng dẫn cụ thể cách xác định thu nhập miễn thuế từ tiền công, tiền lương làm thêm giờ của giờ làm thêm thứ 201 trở lên để tránh gây thiệt thòi không đáng có cho người lao động. Tôi xin chân thành cảm ơn

07/11/2019

Trả lời:

Căn cứ Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội quy định:

“Điều 23. Nội dung hợp đồng lao động

d) Thời hạn của hợp đồng lao động;

...”

“Điều 97. Tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm

1. Người lao động làm thêm giờ được trả lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc đang làm như sau:

a) Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;

b) Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;

c) Vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300% chưa kể tiền lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương đối với người lao động hưởng lương ngày.”

2. Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.

3. Người lao động làm thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người lao động còn được trả thêm 20% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc làm vào ban ngày.”

“Điều 104. Thời giờ làm việc bình thường

1. Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần.

2. Người sử dụng lao động có quyền quy định làm việc theo giờ hoặc ngày hoặc tuần; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày, nhưng không quá 48 giờ trong 01 tuần.

Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ..."

"Điều 106. Làm thêm giờ

1. Làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường được quy định trong pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động.

2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Được sự đồng ý của người lao động;

b) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, trường hợp áp dụng quy định làm việc theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 30 giờ trong 01 tháng và tổng số không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ một số trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định thì được làm thêm giờ không quá 300 giờ trong 01 năm;

c) Sau mỗi đợt làm thêm giờ nhiều ngày liên tục trong tháng, người sử dụng lao động phải bố trí để người lao động được nghỉ bù cho số thời gian đã không được nghỉ."

Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định:

"Điều 3. Các khoản thu nhập được miễn thuế

1. Căn cứ quy định tại Điều 4 của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Điều 4 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, các khoản thu nhập được miễn thuế bao gồm:

...i) Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định của Bộ luật Lao động..."

Căn cứ theo quy định trên và theo trình bày của Độc giả Nguyễn Thị Hương Ly tại phiếu hỏi đáp số 140619-8 ngày 19/06/2019 thì:

1/ Trường hợp Công ty (người sử dụng lao động) có các khoản chi tiền lương, tiền công cho người lao động làm thêm giờ ngoài thời giờ làm việc bình thường theo Điều 104 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội thi Công ty và người lao động làm thêm giờ phải đáp ứng đúng đủ các điều kiện quy định tại Điều 106 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày

18/6/2012 của Quốc Hội. Tiền lương làm thêm giờ Công ty trả cho người lao động phải thực hiện đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội, thì thu nhập từ tiền lương, tiền công của người lao động làm thêm giờ nêu trên thuộc đối tượng được miễn thuế TNCN theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Công ty và người lao động có thỏa thuận làm thêm giờ vượt mức 200 giờ/năm thì đây là trường hợp đặc biệt, Công ty và người lao động phải được Chính Phủ cho phép mới được thực hiện và số giờ vượt trên 200 giờ/ năm nhưng không quá 300 giờ /năm được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội thì khi đó thu nhập từ tiền lương, tiền công làm thêm giờ nêu trên của người lao động theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội thuộc đối tượng được miễn thuế TNCN theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

Trường hợp không được chính phủ cho phép, nhưng Công ty và người lao động vẫn thực hiện làm thêm giờ vượt mức 200 giờ/năm là vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội thì khi đó thu nhập từ tiền lương, tiền công làm thêm giờ nêu trên của người lao động không thuộc đối tượng được miễn thuế TNCN theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

2/ Trường hợp người lao động có ký hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội thì thời giờ làm việc bình thường không quá 8 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần (Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ.) được quy định tại Điều 104 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội.

Như vậy, nếu người lao động làm việc cho 2 Công ty khác nhau thì tổng số giờ làm việc cho các Công ty cộng lại cũng phải đáp ứng theo đúng quy định tại Điều 23, Điều 104 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội.

Khi đó việc xác định thời giờ làm việc bình thường theo Điều 104 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội và làm thêm giờ theo Điều 106 Bộ luật Lao Động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội, thu nhập từ tiền lương, tiền công của người lao động được miễn thuế hay không được miễn thuế TNCN theo Điểm i Khoản 1 Điều 3 Thông tư số

111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 1 nêu trên của công văn này

Cục Thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để Độc giả được biết và thực hiện đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật./.

Gửi phản hồi: